TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HOÁ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28-01-2026.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Bộ.

2. Bà Dương Thị Ngọc Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị X, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn L, xã S, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Vũ Sơn H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn L, xã S, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hà Thị X trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Sơn H tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 05/12/2012 tại UBND xã L, huyện T (nay là UBND xã S), tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2023 đến nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp; anh H có hành vi bạo lực gia đình đối với chị.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là các cháu Vũ Thái S, sinh ngày 19/7/2013, Vũ Hà M, sinh ngày 13/11/2018. Để không làm thay đổi môi trường sống và học tập của cháu; khi ly hôn chị yêu cầu Toà án giao cháu S và cháu M cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 11/12/2025, được bổ sung ngày 06/01/2026 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Vũ Sơn H bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Hà Thị X tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 05/12/2012 tại UBND xã L, huyện T (nay là UBND xã S), tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2023 đến nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và quan điểm làm ăn.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị X có 02 con chung là cháu S và cháu M, như chị X trình bày là đúng. Ly hôn, anh yêu cầu Toà án giao cháu S và cháu M cho anh trực tiếp nuôi dưỡng; không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại thôn L, xã S, tỉnh Thanh Hoá nơi anh H và chị X cư trú:

Chị Hà Thị X và anh Vũ Sơn H cư trú tại thôn L, xã S, tỉnh Thanh Hoá có quan hệ vợ chồng. Trong quá trình chung sống, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn thì thôn không năm được. Chỉ biết từ năm 2023 đến nay, chị X đã tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Từ khi bỏ đi đến nay, chị X không về thăm nhà. Vợ chồng anh H, chị X có 02 con chung là cháu Vũ Thái S, sinh ngày 19/7/2013 và cháu Vũ Hà M, sinh ngày 13/11/2018. Hiện nay 02 cháu đều đang ở với ông bà nội và bố của các cháu; chị X không quan tâm đến các cháu. Anh H đang làm kinh doanh karaoke với thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng.

Nay, chị X làm đơn xin ly hôn anh H, thôn cũng như gia đình mong muốn anh chị quay về chung sống với nhau. Trường hợp chị X cương quyết yêu cầu ly hôn thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nguyện vọng của cháu S và cháu M: Khi anh H và chị X ly hôn, các cháu đều muốn ở với bố.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án, thông báo thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử; việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 97, 195, 196, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 51, 63 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 227 và 334 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị X.

- Về hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị X được ly hôn anh Vũ Sơn H.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Thái S và cháu Vũ Hà M cho anh Vũ Sơn H trực tiếp nuôi dưỡng; chị Hà Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Buộc chị Hà Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa các đương sự có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn, bị đơn cư trú tại xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hoá. Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hoá căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đều có đơn xin xử vắng mặt (bị đơn không có yêu cầu phản tố) nên Toà án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị Hà Thị X và anh Vũ Sơn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2012 tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị X thì nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp. Hiện tại vợ chồng đang sống trong tình trạng ly thân, không ai quan tâm đến ai; anh H cũng thống nhất với chị X về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng đời sống vợ chồng. Lời khai của chị X, anh H phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án tại nơi cư trú của vợ chồng anh chị về tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị.

[2.2] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị X, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xác minh của Tòa án tại nơi cư trú của vợ chồng chị X, anh H; căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng đời sống hôn nhân giữa chị X và anh H đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được, chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu trên, xử cho chị X được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Chị Hà Thị X và anh Vũ Sơn H có 02 con chung là cháu Vũ Thái S và cháu Vũ Hà M. Hiện nay, các cháu đều đang ở cùng với anh H và ông bà nội của cháu tại thôn Thọ Lộc, xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Xét yêu cầu của chị X, anh H về việc nuôi con chung là chính đáng, phù hợp với tình cảm và trách nhiệm của người cha, người mẹ dành cho con cái; căn cứ vào điều kiện nuôi con của đương sự; để bảo đảm quyền và nghĩa vụ của chị X và anh H, đồng thời bảo đảm quyền lợi cho con chung của anh chị, Toà án chấp nhận yêu cầu của chị X, giao cháu S và cháu M cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của các cháu và phù hợp với các quy định của pháp luật; và việc anh H không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị X và anh H yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn); anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83; khoản 1 Điều 88; khoản 1 Điều 107; Điều 110; khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị X.

- Về hôn nhân: Chị Hà Thị X được ly hôn anh Vũ Sơn H.

- Về con chung: Công nhận các cháu Vũ Thái S, sinh ngày 19/7/2013, Vũ Hà M, sinh ngày 13/11/2018 là các con chung của chị Hà Thị X và anh Vũ Sơn H. Giao cháu S và cháu M cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; chị X không phải cấp dưỡng nuôi con; chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung không ai được cản trở.

2. Án phí: Chị Hà Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn); trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003907 ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Công nhận chị X đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6;
- THADS T.Thanh Hoá;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Tiến Thịnh